

Số: /QĐ-ĐHCNKT

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học
ngành Công nghệ tài chính năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1468/QĐ-BGDĐT ngày 02/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-ĐHCNKT ngày 08/7/2026 của ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 552/KH-ĐHCNKT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học theo hướng liên ngành, liên thông, hội nhập và ứng dụng AI;

Căn cứ Quyết định số 1525/QĐ-ĐHCNKT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành khung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếng Việt năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp số 70/BB-HĐKHĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Biên bản họp số 72/BB-HĐKHĐT ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Kinh tế và Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bản cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học ngành **Công nghệ tài chính (mã ngành 7340205)** áp dụng từ khóa tuyển sinh 2026.

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ đại học là cơ sở để các đơn vị đào tạo và phòng ban liên quan lập kế hoạch hoạt động và phối hợp hoạt động giữa các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công.

Điều 3. Trưởng các đơn vị, cán bộ viên chức, sinh viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, VBĐT, ĐT, KT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Quách Thanh Hải

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Công nghệ tài chính
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: Financial Technology (Fintech)
Tên ngành đào tạo Tiếng Việt	: Công nghệ tài chính
Tên ngành đào tạo Tiếng Anh	: Financial Technology (Fintech)
Mã ngành	: 7340205
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngôn ngữ đào tạo:	: Tiếng Việt

Phiên bản cập nhật năm 2026

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Công nghệ tài chính, trình độ đại học

TT	Các thông tin	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	Tên Tiếng Việt: Công nghệ tài chính
		Tên Tiếng Anh: Financial Technology (Fintech)
2	Tên ngành đào tạo	Tên Tiếng Việt: Công nghệ tài chính
		Tên Tiếng Anh: Financial Technology (Fintech)
3	Mã ngành	7340205
4	Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
5	Tên gọi văn bằng	Cử nhân
6	Cơ sở đào tạo cấp bằng	Trường Đại học Công nghệ kỹ Thuật thành phố Hồ Chí Minh
7	Đơn vị quản lý	Khoa Kinh tế
8	Hình thức đào tạo	Tập trung
9	Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng việt
10	Khối lượng học tập	132 tín chỉ
11	Thời gian đào tạo tiêu chuẩn	4 năm
12	Đối tượng tuyển sinh (Chuẩn đầu vào của CTĐT)	Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
13	Tiêu chí tuyển sinh	Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh
14	Điều kiện tốt nghiệp	Điều kiện chung: Theo Quyết định 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 và cập nhật theo các quy định hiện hành.
15	Vị trí việc làm	Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Công nghệ tài chính thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng và sức khỏe để đảm nhiệm công việc và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ tài chính. Các vị trí nghề nghiệp cụ thể: nhà phát triển phần mềm tài chính, chuyên gia dữ liệu, chuyên gia phân tích dữ liệu, chuyên gia phân tích tài chính, quản lý sản phẩm, tư vấn tài chính, chuyên gia Blockchain, chuyên gia an ninh mạng và chuyên gia AI...trong các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp thuộc mọi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, các công ty công nghệ tài chính, các công ty phát triển phần mềm...giảng viên, nghiên cứu viên tại các Trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu hoặc khởi nghiệp kinh doanh.
16	CTĐT đối sánh	CTĐT Công nghệ Tài chính của Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Kinh tế Luật, ĐH Quốc gia TP.HCM
17	Mục tiêu chung	Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ tài chính theo hướng ứng dụng hội đủ các năng lực và phẩm chất đáp ứng các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội. Sinh viên chuyên ngành Công nghệ tài chính sau khi tốt

		nghiệp sẽ có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học dữ liệu và máy tính, khoa học xã hội - kinh tế - pháp luật; có năng lực phân tích, thiết kế và triển khai các giải pháp công nghệ tài chính sáng tạo; có ý thức trách nhiệm, tác phong học tập và làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần khởi nghiệp, khả năng học tập suốt đời trong bối cảnh hội nhập quốc tế và kỷ nguyên số.
18	Chuẩn đầu ra	
18.1	Kiến thức	ELO1: Vận dụng và tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, kinh tế, pháp luật, CNTT và dữ liệu để giải quyết vấn đề cơ bản trong Công nghệ tài chính. ELO2: Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, thuế, dữ liệu và công nghệ tài chính. ELO3: Đánh giá và ứng dụng công nghệ phù hợp để giải quyết vấn đề trong Công nghệ tài chính.
18.2	Kỹ năng	ELO4: Vận dụng yêu cầu pháp lý, đạo đức, an toàn dữ liệu và trách nhiệm xã hội trong hoạt động FinTech. ELO5: Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật công nghệ và thích ứng với môi trường toàn cầu. ELO6: Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm liên ngành trong dự án Công nghệ tài chính.
18.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	ELO7: Trình bày, trao đổi và truyền đạt thông tin chuyên môn bằng tiếng Việt và tiếng Anh. ELO8: Đề xuất, thiết kế và phát triển ý tưởng cải tiến, khởi nghiệp hoặc giải pháp/sản phẩm/dịch vụ FinTech. ELO9: Tổ chức, vận hành, kiểm soát và cải tiến quy trình, hệ thống hoặc dịch vụ công nghệ tài chính.
19	Cấu trúc CTĐT	Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 92 tín chỉ Tổng số tín chỉ: 132 tín chỉ Thời gian đào tạo: 4 năm Bằng cấp: Cử nhân
20	Hướng dẫn thực hiện chương trình	- Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/8/2025 của Trường ĐHSPKT TPHCM về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; và cập nhật theo các quy định hiện hành. - Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).
21	Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	Năm 2026.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo Tiếng Việt	: Công nghệ tài chính
Tên chương trình đào tạo Tiếng Anh	: Financial Technology
Trình độ đào tạo	: Đại học chính quy
Ngành đào tạo	: Công nghệ Tài chính
Mã ngành	: 7340205
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Ngôn ngữ đào tạo	: Tiếng Việt
Văn bằng tốt nghiệp	: Cử nhân
Đơn vị quản lý	: Khoa Kinh tế

1. Thời gian đào tạo: 04 năm.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT.

3. Tiêu chí tuyển sinh

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Trường Đại học Công nghệ kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh

4. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 3116/QĐ-ĐHSPKT; và cập nhật theo các quy định hiện hành.

5. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Công nghệ tài chính thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng và sức khỏe để đảm nhiệm công việc và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ tài chính. Các vị trí nghề nghiệp cụ thể: nhà phát triển phần mềm tài chính, chuyên gia dữ liệu, chuyên gia phân tích dữ liệu, chuyên gia phân tích tài chính, quản lý sản phẩm, tư vấn tài chính, chuyên gia Blockchain, chuyên gia an ninh mạng và chuyên gia AI...trong các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp thuộc mọi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, các công ty công nghệ tài chính, các công ty phát triển phần mềm...giảng viên, nghiên cứu viên tại các Trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu hoặc khởi nghiệp kinh doanh.

6. Chương trình đào tạo đối sánh

CTĐT Công nghệ Tài chính của Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Kinh tế Luật, ĐH Quốc gia TP.HCM

7. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

7.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ tài chính theo hướng ứng dụng hội đủ các năng lực và phẩm chất đáp ứng các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội. Sinh viên chuyên ngành Công nghệ tài chính sau khi tốt nghiệp sẽ có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học dữ liệu và máy tính, khoa học xã hội - kinh tế - pháp luật; có năng lực phân tích, thiết kế và triển khai các giải pháp công nghệ tài chính sáng tạo; có ý thức trách nhiệm, tác phong học tập và làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần khởi nghiệp, khả năng học tập suốt đời trong bối cảnh hội nhập quốc tế và kỷ nguyên số

7.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học dữ liệu và máy tính, Khoa học xã hội, kinh tế, và pháp luật; có kiến thức chuyên sâu về tài chính để vận hành quản trị tài chính doanh nghiệp, quản trị danh mục đầu tư và quản trị rủi ro; có kiến thức toàn diện về công nghệ phục vụ lập trình, quản trị và phân tích dữ liệu, ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, và ứng dụng các công cụ phần mềm, giải pháp công nghệ cho các hoạt động tài chính, đổi mới sản phẩm tài chính; thành thạo sử dụng các công nghệ, phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực tài chính; đồng thời có đầy đủ các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để thích ứng trong bối cảnh chuyển đổi số và thay đổi công nghệ.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong Công nghệ tài chính, hội nhập quốc tế và phát triển tài chính bền vững. Có tinh thần trách nhiệm cao, rèn luyện tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; có đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, khả năng tự học và học tập suốt đời trong môi trường toàn cầu, sẵn sàng khởi nghiệp và đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

7.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes-PLOs)

Chuẩn đầu ra của CTĐT ngành công nghệ tài chính tương ứng với thang trình độ năng lực theo bảng dưới đây:

STT	CDR (Program learning outcomes - PLOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index- PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
1	Kiến thức				CDR chung
PLO1	Vận dụng và tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, kinh tế, pháp luật, CNTT và dữ liệu để giải quyết vấn đề cơ bản trong Công nghệ tài chính.	Vận dụng toán, thống kê, kinh tế lượng trong bài toán công nghệ tài chính.	PI1.1	3	CDR chuyên biệt
		Phân tích nguyên lý kinh tế, quản trị, pháp luật và thị trường tài chính.	PI1.2	4	CDR chuyên biệt
		Tích hợp CNTT, dữ liệu và cơ sở ngành để nhận diện vấn đề công nghệ tài chính.	PI1.3	4	CDR chuyên biệt
PLO2	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, thuế, dữ liệu và công nghệ tài chính.	Phân tích nghiệp vụ tài chính, ngân hàng, kế toán, thuế và đầu tư.	PI2.1	4	CDR chuyên biệt
		Vận dụng kiến thức tài chính số, ngân hàng số, thanh toán điện tử, blockchain và dữ liệu tài chính.	PI2.2	3	CDR chuyên biệt
		Phân tích mối liên hệ giữa nghiệp vụ, công nghệ, dữ liệu, pháp lý và rủi ro.	PI2.3	4	CDR chuyên biệt
PLO3	Đánh giá và ứng dụng công nghệ phù hợp để giải	Phân tích yêu cầu nghiệp vụ, dữ liệu và công nghệ.	PI3.1	4	CDR chuyên biệt

STT	CĐR (Program learning outcomes - PLOs) quyết vấn đề trong Công nghệ tài chính.	Chỉ số thực hiện (Performance index- PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
		Lựa chọn và ứng dụng công cụ/nền tảng/mô hình công nghệ phù hợp.	PI3.2	4	CĐR chuyên biệt
		Đánh giá hiệu quả, tính khả thi, rủi ro và giới hạn của giải pháp công nghệ.	PI3.3	5	CĐR chuyên biệt
2	Kỹ năng				CĐR chung
PLO4	Vận dụng theo yêu cầu pháp lý, đạo đức, an toàn dữ liệu và trách nhiệm xã hội trong hoạt động công nghệ tài chính.	Nhận diện yêu cầu pháp lý, chuẩn mực nghề nghiệp và tuân thủ.	PI4.1	3	CĐR chuyên biệt
		Vận dụng nguyên tắc đạo đức, bảo mật, quyền riêng tư và bảo vệ người dùng.	PI4.2	3	CĐR chuyên biệt
		Phân tích trách nhiệm cá nhân, tổ chức và tác động xã hội của giải pháp công nghệ tài chính.	PI4.3	4	CĐR chuyên biệt
PLO5	Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật công nghệ và thích ứng với môi trường toàn cầu.	Xác định nhu cầu học tập và phát triển nghề nghiệp.	PI5.1	3	CĐR chung
		Lập và thực hiện kế hoạch cập nhật kiến thức, công nghệ, quy định và kỹ năng.	PI5.2	4	CĐR chung
		Điều chỉnh chiến lược học tập/làm việc để thích ứng môi trường thay đổi.	PI5.3	4	CĐR chung
PLO6	Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm liên ngành trong dự án Công nghệ tài chính.	Thực hiện nhiệm vụ cá nhân trong nhóm liên ngành.	PI6.1	3	CĐR chung
		Phối hợp và trao đổi hiệu quả để hoàn thành sản phẩm/báo cáo/dự án.	PI6.2	3	CĐR chung
		Tổ chức, phân công và đánh giá đóng góp của thành viên nhóm.	PI6.3	4	CĐR chung
3	Mức tự chủ và trách nhiệm				
PLO7	Trình bày, trao đổi và truyền đạt thông tin chuyên môn bằng tiếng	Trình bày thông tin, kết quả phân tích và giải pháp bằng nói, viết hoặc trực quan hóa dữ liệu.	PI7.1	3	CĐR chung

STT	CĐR (Program learning outcomes - PLOs) Việt và tiếng Anh và khả năng học tập suốt đời	Chỉ số thực hiện (Performance index- PI)	Trình độ năng lực		Phân loại
			PI	PLO	
		Trao đổi và phản hồi vấn đề chuyên môn với đồng nghiệp, khách hàng, đối tác hoặc người dùng.	PI7.2	4	CĐR chung
		Sử dụng tiếng Anh để đọc hiểu, trình bày và trao đổi nội dung cơ bản về công nghệ tài chính và học tập suốt đời.	PI7.3	3	CĐR chung
PLO8	Đề xuất, thiết kế và phát triển ý tưởng cải tiến, khởi nghiệp hoặc giải pháp/sản phẩm/dịch vụ công nghệ tài chính.	Phân tích nhu cầu người dùng, vấn đề thị trường hoặc điểm nghẽn quy trình công nghệ tài chính.	PI8.1	4	CĐR chuyên biệt
		Đề xuất ý tưởng cải tiến, mô hình kinh doanh hoặc giải pháp FinTech theo tiêu chí giá trị, khả thi và rủi ro.	PI8.2	5	CĐR chuyên biệt
		Thiết kế/phát triển mô hình, quy trình hoặc kế hoạch triển khai ban đầu.	PI8.3	5	
PLO9	Tổ chức, vận hành, kiểm soát và cải tiến quy trình, hệ thống hoặc dịch vụ công nghệ tài chính.	Phân tích cấu trúc, quy trình, dữ liệu và rủi ro của hệ thống/dịch vụ tài chính số.	PI9.1	4	CĐR chuyên biệt
		Vận hành hoặc mô phỏng quy trình, công cụ hoặc hệ thống tài chính số theo yêu cầu.	PI9.2	4	CĐR chuyên biệt
		Đánh giá và đề xuất cải tiến quy trình, hệ thống hoặc dịch vụ công nghệ tài chính.	PI9.3	5	CĐR chuyên biệt

8. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Tỉ lệ (%)
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	40			30,30
1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương	14	14	0	10,61
2	Tin học ứng dụng	3	3	0	2,27
3	Kiến thức ngoại ngữ	8	8	0	6,06
4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp	6	0	6	4,55

5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn	9	9	0	6,82
	(* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)				
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92	80	12	69,70
1	Nhập môn ngành	3	3	0	2,27
2	Cơ sở ngành	32	26	6	24,24
3	Chuyên ngành	47	41	6	35,60
4	Thí nghiệm, thực tập, thực hành (nếu có)	2	2	0	1,52
5	Thực tập tốt nghiệp	2	2	0	1,52
6	Khoá luận tốt nghiệp	6	6	0	4,55
III	KHỐI KIẾN THỨC GDTC VÀ GDQP	8	4	4	
1	Giáo dục thể chất	5	1	4	
2	Giáo dục quốc phòng	4	4	0	
IV	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN ĐỀ BỔ TRỢ	4	4	0	
1	Chuyên đề doanh nghiệp	1	1	0	
2	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	3	0	
TỔNG CỘNG		132			

9. Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ			Mã HP trước, HP tiên quyết
			Tổng	LT (*)	TN/TH/ TT	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		40			
I.1	Lý luận chính trị + Pháp luật đại cương		14	14		
	LLCT130105	Triết học Mác - Lênin	3	3		LLCT130105
	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		LLCT130105
	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		LLCT130105
	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		LLCT130105
	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		LLCT130105 LLCT130205 LLCT130305 LLCT130405
	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	3		
I.2	APCM230307	Tin học ứng dụng	3 (2+1)	2	1	
I.3	Kiến thức ngoại ngữ		8	8		
	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	4		
	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	4		
I.4	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp					

Sinh viên chọn 2 học phần (mỗi học phần 3 TC) trong cùng một nhóm tự chọn của 4 nhóm tự chọn sau:						
Nhóm 1: Văn hóa xã hội và phát triển			6	6	0	
N1.1	VNCD130615	Văn hóa và phát triển	3	3	0	
N1.2	ASCD130605	Xã hội học ứng dụng và phát triển cộng đồng	3	3	0	
Nhóm 2: Pháp luật trong môi trường kinh tế			6	6	0	
N2.1	CGLA337039	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	3	3	0	
N2.2	LALA337239	Pháp luật lao động	3	3	0	
Nhóm 3: Môi trường và phát triển bền vững			6	6	0	
N3.1	CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính	3	3	0	
N3.2	SUDE130110	Phát triển bền vững	3	3	0	
Nhóm 4: Kỹ năng sống			6	6	0	
N4.1	BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	3	3	0	
N4.2	PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân	3	3	0	
I.5	Toán học và Khoa học cơ bản/ Toán học và Hình học/ Toán học và Khoa học cơ bản/Mỹ thuật/ Khoa học xã hội nhân văn		9	9	0	
	<i>(* Theo khung CTĐT ĐHCQ tiếng Việt 2026)</i>					
	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	3		
	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	3		
	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	3		
I.6	Kiến thức giáo dục đại cương khác		0	0	0	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		92			
II.1	Nhập môn ngành		3			
1	INFI130110	Nhập môn ngành Công nghệ Tài chính	3	2	1	
II.2	Kiến thức cơ sở ngành		32			
II.2.1	Kiến thức bắt buộc		26	25	1	
1	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	3		
2	FUBY323808	Lập trình Python	2 (1+1)	1	1	Tin học ứng dụng
3	ECON240206	Kinh tế học	4	4		
4	MOBA230110	Tiền tệ-Ngân hàng	3	3		
5	RMET230310	Phương pháp nghiên cứu trong tài chính và kế toán	3	3		
6	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	3		
7	INSE330308	An toàn thông tin	3	3		
8	DMSY233208	Cơ sở dữ liệu	3	3		
9	BLAW220308	Luật kinh tế	2	2		

II.2.2	Kiến thức tự chọn (chọn 6 tín chỉ trong các môn sau)		6	6		
1	DECO230407	Kinh tế số	3	3		
2	EMAR431108	Marketing điện tử	3	3		
3	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	3		MATH132701
4	BPLA131808	Kế hoạch khởi nghiệp	3	3		
II.3	Kiến thức chuyên ngành		47	47		
II.3.1	Kiến thức bắt buộc		41	41		
1	DTAI230710	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	3	3		
2	MALE333908	Máy học (Machine learning)	3	3		
3	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	3		PRAC230407
4	BTDC230610	Công nghệ Blockchain và tiền kỹ thuật số	3	3		
5	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	3		
6	POMA331310	Quản trị danh mục đầu tư	3	3		FIMA430807
7	FIMA431907	Quản trị tài chính quốc tế	3	3		FIMA430807
8	DIBA331210	Ngân hàng số	3	3		
9	FIAN331410	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3		
10	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3	3		FIMA430807
11	AIFI331110	Ứng dụng AI trong tài chính	3	3		
12	BFRM330510	Quản trị rủi ro tài chính – ngân hàng	3	3		DIBA331210
13	CRFU320810	Gọi vốn cộng đồng	2	2		
14	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	3	3		
II.3.2	Kiến thức tự chọn (sinh viên chọn 6 tín chỉ trong các học phần sau)		6	6		
Hướng kế toán -quản trị						
1	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	3		
2	BAAC331407	Kế toán ngân hàng	3	3		
3	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	3		
4	TAPO330407	Chính sách Thuế	3	3		
Hướng tài chính						
5	PRAN331106	Lập và phân tích dự án	3	3		
6	QUFI330310	Tài chính định lượng	3	3		
7	PUFI330210	Tài chính công	3	3		
8	PEFI330710	Tài chính cá nhân	3	3		
9	BEFI330910	Tài chính hành vi	3	3		
10	INSU331010	Bảo hiểm	3	3		
II.4	Thí nghiệm, thực tập, thực hành (nếu có)		2	2		

	PRFI220210	Thực tập doanh nghiệp	2	2		
II.5	Thực tập tốt nghiệp		2	2		
	INTE420110	Thực tập tốt nghiệp	2	2		
II.6.	Khoá luận tốt nghiệp		6	6		
	GRAT460210	Khóa luận tốt nghiệp	6	2		
III	Kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng					
III.1	Giáo dục thể chất					
	PHED110130	Giáo dục thể chất 1	1			
	Sinh viên chọn học 02 học phần khác nhau trong 08 học phần lựa chọn theo danh sách dưới đây		2			
	FOOT112330	Bóng đá	1			
	VOLL112330	Bóng chuyền	1			
	BASK112330	Bóng rổ	1			
	BADM112330	Cầu lông	1			
	TENN112330	Quần vợt	1			
	KARA112330	Không thủ đạo	1			
	CHES112330	Cờ vua	1			
	PICK112330	Pickleball	1			
	CHIN112330	Cờ tướng	1			
III.2	Giáo dục quốc phòng					
	GDQP110131	Giáo dục quốc phòng 1	1			
	GDQP110231	Giáo dục quốc phòng 2	1			
	GDQP110331	Giáo dục quốc phòng 3	1			
	GDQP110431	Giáo dục quốc phòng 4	1			
IV	Chuyên đề bổ trợ					
	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1			
	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3			

(*) Giải thích chữ viết tắt: học phần (HP), lý thuyết (LT), thí nghiệm (TN), thực hành (TH), thực tập (TT).

10. Kế hoạch giảng dạy

Các môn không ghép vào kế hoạch giảng dạy, Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập:

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số TC	Điều kiện môn học tiên quyết
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	LLCT130105*
2.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	LLCT120205*
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	LLCT120205*
4.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	LLCT120405*, LLCT120314*
5.	ENCO140126	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sơ cấp	4	
6.	ENCO240226	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trung cấp	4	

7	DICO132585	Chuyên đề nâng cao năng lực số	3	
...		Giáo dục thể chất		
		Giáo dục Quốc phòng		
		Tổng	16	

Bố trí các môn học trong 8 học kỳ:

Học kỳ 1:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	2	
2.	INFI130110	Nhập môn ngành Công nghệ Tài chính	3 (2+1)	1	
3.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	1	
4.	APCM230307	Tin học ứng dụng	3 (2+1)	2	
5.	ECON240206	Kinh tế học	4	2	
Tổng			16		

Học kỳ 2:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	BLAW220308	Luật kinh tế	2	1	
2.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	2	
3.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	1	Học trước: MATH132701
4.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	1	
5.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	2	
6	PHED110130	Giáo dục thể chất 1			Không tính vào số TC của CTĐT
7	Khối tự chọn Khoa học xã hội nhân văn/ kỹ năng học tập/ mục tiêu nghề nghiệp. Sinh viên chọn 2 học phần (mỗi học phần 3 TC) trong cùng một nhóm tự chọn của 4 nhóm tự chọn sau:		6		
6.	Nhóm 1: văn hóa xã hội và phát triển		6		
7.	VNCD130615	Văn hóa và phát triển	3	2	
8.	ASCD130605	Xã hội học ứng dụng và phát triển cộng đồng	3	2	
9.	Nhóm 2: Pháp luật trong môi trường kinh tế		6		
10.	CGLA337039	Pháp luật về quản trị doanh nghiệp	3	2	
11.	LALA337239	Pháp luật lao động	3	2	
12.	Nhóm 3: Môi trường và phát triển bền vững		6		
13.	CGHG130210	Biến đổi khí hậu và khí nhà kính	3	2	
14.	SUDE130110	Phát triển bền vững	3	2	
15.	Nhóm 4: Kỹ năng sống				
16.	BCTH237553	Kỹ thuật chế biến thực phẩm	3	2	
	PIDE237653	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân	3	2	
Tổng			20		

Học kỳ 3:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	MOBA230110	Tiền tệ-Ngân hàng	3	1	
2.	INSE330308	An toàn thông tin	3	1	
3.	RMET230310	Phương pháp nghiên cứu trong tài chính và kế toán	3	1	
4.	FUBY323808	Lập trình Python	2 (1+1)	2	Học trước: APCM220307
5.	DMSY233208	Cơ sở dữ liệu	3	2	
6.	MATH132901	Xác suất thống kê ứng dụng	3	2	
7.		Tự chọn cơ sở ngành (Nhóm A)	3	2	
	DECO230407	Kinh tế số	3		
	MAOP230706	Tối ưu hoá	3		
Tổng			20		

Học kỳ 4:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	MALE333908	Máy học (Machine Learning)	3	1	
2.	DTAI230710	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	3	1	
3.		Tự chọn cơ sở ngành (Nhóm A)	3	1	
	EMAR431108	Marketing điện tử	3		
	BPLA131808	Kế hoạch khởi nghiệp	3		
4.	BTDC230610	Công nghệ Blockchain và tiền kỹ thuật số	3	2	
5.	DIBA331210	Ngân hàng số	3	2	
6.	PRFI220210	Thực tập doanh nghiệp	2	2	
Tổng			17		

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	1	Học trước PRAC230407
2.	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	3	1	
3.	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	1	
4.	FIAN331410	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	
5.	AIFI331110	Ứng dụng AI trong tài chính	3	2	Học trước: DTAI230710
		Tự chọn chuyên ngành (Nhóm B)	3	2	
6	BAAC331407	Kế toán ngân hàng	3		
7	TAPO330407	Chính sách Thuế	3		
8	PUFI330210	Tài chính công	3		
9	PEFI330710	Tài chính cá nhân	3		
10	BEFI330910	Tài chính hành vi	3		
11	INSU331010	Bảo hiểm	3		

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
Tổng			18		

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FIMA431907	Quản trị tài chính quốc tế	3	1	Học trước: FIMA430807
2.	POMA331310	Quản trị danh mục đầu tư	3	1	Học trước: FIMA430807
3.	CRFU320810	Gọi vốn cộng đồng	2	1	
4.	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3	2	Học trước: FIMA430807
5.	BFRM330510	Quản trị rủi ro tài chính – ngân hàng	3	2	Học trước: DIBA331210
Tự chọn chuyên ngành (nhóm B)			3	2	
6	MAAC430507	Kế toán quản trị	3		Học kỳ 6
7	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3		Học kỳ 6
8	PRAN331106	Lập và phân tích dự án	3		Học kỳ 6
9	QUFI330310	Tài chính định lượng	3		Học kỳ 6
Tổng			17		

Học kỳ 7:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	INTE420110	Thực tập tốt nghiệp (ngành CNTT)	2	1 và 2	
Tổng			2		

Học kỳ 8:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	GRAT460210	Khóa luận tốt nghiệp (ngành CNTT)	6	1 và 2	
Tổng			6		

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn ra của mỗi học phần và CTĐT.

11.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, đánh giá mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến CTĐT và tổ chức thực hiện CTĐT.

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- CTĐT thực hiện theo Quy trình triển khai và đánh giá CTĐT (số hiệu QT-P.ĐT-TKĐGCTĐT, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 01/12/2025).

- CTĐT thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Đơn vị quản ngành phân công giảng viên giảng dạy các học phần theo đề cương chi tiết đã được phê duyệt.

- Tổ chức dạy học, kiểm tra - đánh giá kết quả học tập các học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo, các quy chế và quy định hiện hành có liên quan của Trường ĐHCNKT TPHCM.

- Lập kế hoạch, đo lường và đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

- Giờ quy định được tính như sau: 01 tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp. 01 tiết học được tính bằng 50 phút.

13. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

13.1 Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều kiện duy trì ngành.

13.2 Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở vật chất: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Sinh viên ngành Công nghệ tài chính chủ yếu sử dụng phòng máy tính cho các môn học trong chương trình đào tạo: A2-101A, A2-101B, A3-101, A-102, A3-103, A3-104, A3-105, A5-102A, A5-102B, A4-101, A4-102.

Học liệu:

- Thư viện Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM: <http://thuvien.hcmute.edu.vn/>
- Khoa Kinh tế Đại học Sư phạm Kỹ thuật TPHCM: <http://www.hcmute.edu.vn/>
- Thư viện Đại học Quốc Gia Tp.HCM: www.vnulib.edu.vn
- Thư viện Đại học Kinh Tế Tp.HCM: www.lib.ueh.edu.vn
- Thư viện Đại học Kinh Tế Quốc Dân: www.lic.neu.edu.vn
- Tạp chí Khoa học Giáo dục Kỹ Thuật: www.tapchikhgdkt.hcmute.edu.vn
- Tạp chí Phát triển kinh tế: www.tcptkt.ueh.edu.vn
- Tạp chí Khoa học: www.tckh.ou.edu.vn
- Thời báo kinh tế Sài Gòn: www.thesaigontimes.vn
- Thư viện pháp luật: <http://thuvienphapluat.vn/>
- Văn bản pháp luật: <http://www.vanbanphapluat.com/>
- Hội kế toán Việt Nam: www.vaa-hcmc.org.vn/
- Tạp chí kế toán: www.tapchiketoan.com/
- Hội kiểm toán hành nghề Việt Nam: www.vacpa.org.vn/
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: www.sbv.gov.vn/
- Danh mục trang web xem trong bộ đề cương chi tiết.

14. Kế hoạch đo lường chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Theo Quy trình đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra CTĐT của người học (số hiệu QT-PĐBCL-ĐLCĐR, lần soát xét 00, ngày hiệu lực 05/9/2022).

15. Thời gian ban hành/cập nhật bản mô tả CTĐT: năm 2026.

16. Các phụ lục chương trình đào tạo

- Phụ lục I. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học.
- Phụ lục II: Ma trận các học phần đáp ứng CĐR của CTĐT (theo Biểu mẫu 3A - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).
- Phụ lục III: Ma trận tương quan chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn CDIO (theo Biểu mẫu 3B - Quy trình xây dựng chương trình đào tạo).

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS. Nguyễn Khắc Hiếu

TS. Quách Thanh Hải

PHỤ LỤC I
MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC MÔN HỌC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economics of Marxism and Leninism)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu được các khái niệm về kinh tế như hàng hóa, thị trường, tiền, giá trị thặng dư, độc quyền, công nghiệp hóa... Nhận biết được nội dung và tác động của một số quy luật kinh tế. Nhận thức được các vấn đề cơ bản của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, phương thức sản xuất, trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật...

2. Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu về triết học, triết học mác - lênin, và vai trò của triết học mác - lênin trong đời sống xã hội. Nhận biết những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Nhận thức được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học); Hiểu những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Hochiminh's Ideology)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng hồ chí minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng hồ chí minh; tư tưởng hồ chí minh về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đảng cộng sản việt nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, con người; đạo đức

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of the Communist Party of Vietnam)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 2 (2/0/4)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước: Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism); Triết học Mác – Lênin (The philosophy of Marxism – Leninism); Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của đảng (1920-1930), quá trình đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

6. Pháp luật đại cương (Principles of Law)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (3/0/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật: các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả

7. Tin học ứng dụng (Applied Computer)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 3 (2/1/6)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Hiểu kiến cơ bản và nâng cao về tin học ứng dụng trong kinh tế và quản lý như thống kê các dữ liệu lớn (big data), quản lý các hàng tồn kho, các đơn hàng xuất khẩu và nhập khẩu, quản lý tiền lương, thuế TNCN của người lao động... bằng các công cụ Excel nâng cao và Visual basics

6. Kỹ năng giao tiếp tiếng anh sơ cấp

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 4 (4/0/8)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Phát triển kỹ năng Nói và Nghe ở trình độ A2 (CEFR). Mục tiêu của môn học là nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống đời sống hàng ngày. Sinh viên hiểu và sử dụng các câu tiếng Anh đơn giản, thực hiện các nhiệm vụ giao tiếp cơ bản, đồng thời phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và tự chủ thông qua thông qua các hoạt động thực tế

7. Kỹ năng giao tiếp tiếng anh trung cấp

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học phần: 4 (4/0/8)

Điều kiện tiên quyết: Không

Môn học trước:

Tóm tắt nội dung học phần:

Phát triển kỹ năng Nói và Nghe ở trình độ B1 (CEFR). Mục tiêu là trang bị cho Sinh viên khả năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày ở các quốc gia nói tiếng Anh và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc như công việc, trường học và giải trí. Sinh viên có thể giao tiếp cơ bản, mô tả trải nghiệm, ước mơ và giải thích ngắn gọn các ý tưởng và kế hoạch. Môn học cũng nâng cao kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm thông qua các hoạt động thực tế.

8. Toán kinh tế 1 (Mathematical Economics 1)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector R^n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế.

9. Toán kinh tế 2 (Mathematical Economics 2)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế.

10. Xác suất thống kê ứng dụng (Applied Probabilities and Statistics)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này giới thiệu các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm : Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan tuyến tính.

11. Quản trị học căn bản (Fundamental Management)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như: quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

12. Lập trình căn bản Python (Fundamentals of Python)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2 (1, 1, 4)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Lập trình Python, sinh viên có khả năng: (1) Nắm vững cú pháp cơ bản và các kiểu dữ liệu cốt lõi của Python (ví dụ: số, chuỗi, danh sách, tuple, từ điển, tập hợp) và vận dụng chúng để giải quyết các bài toán lập trình cơ bản. (2) Thành thạo việc sử dụng các cấu trúc điều khiển (ví dụ: câu lệnh điều kiện, vòng lặp) và xây dựng các hàm để tổ chức mã nguồn một cách hiệu quả. (3) Hiểu rõ các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng (OOP) trong Python (ví dụ: lớp, đối tượng, thuộc tính, phương thức) và có khả năng thiết kế và triển khai các lớp đơn giản. (4) Sử dụng thành thạo các thư viện và module phổ biến của Python (ví dụ: math, random, datetime) để giải quyết các tác vụ cụ thể. (5) Có khả năng đọc hiểu, phân tích yêu cầu và xây dựng các ứng dụng Python đơn giản với giao diện dòng lệnh (CLI). (6) Hình thành tư duy logic và kỹ năng giải quyết vấn đề thông qua các bài tập lập trình thực tế. (7) Tạo nền tảng vững chắc để tiếp tục học tập các lĩnh vực nâng cao như lập trình web (ví dụ: Flask, Django), Machine Learning (ví dụ: NumPy, Pandas, Scikit-learn) và Data Science."

13. Kinh tế học (Econometrics)

4 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 4(4, 0, 8)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Hiểu những lý thuyết cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Từ đó, người học sẽ có cái nhìn tổng quát về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước

14. Tiền tệ-Ngân hàng (Monetary and Banking)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Giới thiệu cho sinh viên về tiền tệ, vai trò của tiền tệ và một số học thuyết liên quan đến cung cầu tiền tệ và chính sách tiền tệ quốc gia. Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu sâu về các vấn đề liên quan đến tiền tệ như lãi suất, tín dụng, lạm phát. Giới thiệu hệ thống tài chính nói chung cũng như sự vận hành của hệ thống ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương nói riêng, từ đó liên hệ thực tiễn tại Việt Nam. Mục tiêu môn học (Course Objectives)

15. Phương pháp nghiên cứu trong tài chính và kế toán (Research Methodology in Finance and Accounting)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3(3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về phương pháp thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán. Phần đầu của học phần trình bày những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học, cách hình thành ý tưởng nghiên cứu, xác định vấn đề nghiên cứu. Phần 2 tập trung vào thiết kế nghiên cứu bao gồm: các phương pháp đo lường, phương pháp chọn mẫu, thu thập thông tin, đo lường và phân tích dữ liệu. Phần 3 trình bày cách xây dựng một đề cương nghiên cứu, cách viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, học phần còn hướng người học đạt được mục tiêu học phần thông qua bài tập nhóm cho các vấn đề nghiên cứu thực tiễn.

16. Nguyên lý kế toán (Principle of Accounting)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết Kế toán: các khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng, mục đích và yêu cầu kế toán, phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán, lập và diễn dịch các báo cáo tài chính.

17. An toàn thông tin (information cybersecurity)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về an toàn, bảo mật thông tin và hệ thống thông tin (HTTT), bao gồm các yêu cầu đảm bảo an toàn HTTT, mối đe dọa gây mất an toàn, các dạng tấn công thường gặp và các dạng phần mềm độc hại; Các kỹ thuật, công nghệ và công cụ đảm bảo an toàn cho thông tin và hệ thống, bao gồm bảo mật thông tin dựa trên mã hóa; kiểm soát truy cập và xác thực người dùng; tường lửa và các hệ thống phát hiện và ngăn chặn tấn công, xâm nhập; Vấn đề quản lý, chính sách và pháp luật an toàn thông tin.

18. Cơ sở dữ liệu (Database System)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và kiến thức chuyên sâu về mô hình dữ liệu quan hệ: quan hệ, phụ thuộc hàm, các ràng buộc trên quan hệ, siêu khóa, khóa chính, khóa dự tuyển, khóa ngoại, bao đóng của tập phụ thuộc hàm, bao đóng của tập thuộc tính, phủ tối thiểu của tập phụ thuộc hàm, thuật toán tìm bao đóng của tập thuộc tính, thuật toán xác định khóa, các dạng chuẩn và tính chất tương ứng. Trang bị cho người học kiến thức về mô hình thực thể kết hợp để thiết kế CSDL

19. Luật kinh tế (Economic Law)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập:

3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức hữu ích về doanh nghiệp như vấn đề thành lập, hoạt động, tổ chức quản lý, giải thể, phá sản của các loại hình doanh nghiệp, bản chất pháp lý của từng loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các quy định pháp lý hiện hành về hợp đồng kinh tế ở Việt Nam như nội dung HĐKT – ký kết HĐKT – thực hiện HĐKT – các biện pháp thế chấp, cầm cố và bảo lãnh tài sản trong quan hệ HĐKT – Xử lý vi phạm HĐKT – Thanh lý, thay đổi và đình chỉ HĐKT – HĐKT vô hiệu và xử lý HĐKT vô hiệu ở Việt Nam; các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại giữa các doanh nghiệp theo con đường tòa án và trọng tài thương mại: trình tự, thủ tục giải quyết sơ thẩm, phúc thẩm một tranh chấp tại Tòa án, tổ chức và hoạt động của trọng tài thương mại, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại, thi hành bản án, quyết định của tòa án, trọng tài tại Việt Nam...

20. Kinh tế số (Digital Economy)

3 tín chỉ

3 (3, 0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: cung cấp cho người học những kiến cơ bản về nền kinh tế số và các đặc điểm của nền kinh tế số như nền tảng của nền kinh tế số, các thành phần của nền kinh tế số. Ngoài ra, khóa học này còn cung cấp cho người học kiến thức về một số công cụ đo lường nền kinh tế số do Worldbank cung cấp, các số liệu và tình hình về kinh tế số các quốc gia trên thế giới và Việt Nam. Bên cạnh đó, khóa học này trang bị cho người học kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.

21. Marketing điện tử (Digital marketing)

Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về digital marketing. Sinh viên biết được tầm quan trọng của digital marketing trong hoạt động kinh doanh của công ty. Sinh viên biết cách thực hiện một chiến lược digital marketing kết hợp với các kênh marketing

22. Tối ưu hóa (Optimization)

3 tín chỉ

3 (3,0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phần trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Phần ứng dụng của quy hoạch tuyến tính được trình bày sau cùng để thấy sự ứng dụng rộng rãi của quy hoạch tuyến tính.

23. Kế hoạch khởi nghiệp (Start-up Planning)

2 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 2(2,0,4)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch khởi nghiệp. Trên cơ bản là cung cấp những kiến thức cần thiết để SV có thể tổng hợp và thiết lập bản kế hoạch khởi nghiệp cơ bản, giúp khơi gợi tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên.

24. Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (Digital Transformation and Artificial Intelligence)

3 tín chỉ

3 (3,0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế từ các lĩnh vực của Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo. Đây là một môn học giúp các sinh viên tiếp cận và xây dựng nền tảng học thuật

vững chắc cho việc nghiên cứu về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tương lai của nền công nghiệp 4.0. Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan cũng những tình huống thực tế từ các doanh nghiệp đã và đang áp dụng chuyển đổi số cũng như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo để giải các bài toán nghiệp vụ chuyên môn trong tài chính và ngân hàng, hình thành ý tưởng và lên kế hoạch ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng.

25. Máy học (Fundamentals of Machine Learning)

3 tín chỉ

3 (3,0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhận diện mẫu và máy học. Học phần khái quát các thuật toán cơ bản về học có giám sát, học không giám sát, và hệ thống khuyến nghị. (1) Hiểu và vận dụng được các bước trong quy trình triển khai dự án máy học Machine learning. (2) Có kỹ năng quan sát, phân tích và trình bày dữ liệu dưới dạng có ý nghĩa giúp cho việc đưa ra quyết định hiệu quả hơn. (3) Có kỹ năng thu thập dữ liệu, khám phá, phân tích, thống kê tạo ra các báo cáo. (4) Hiểu và vận dụng hiệu quả các thư viện toán, xác suất thống kê, các thuật toán, framework và công nghệ Machine Learning khác nhau cho các vấn đề, yêu cầu khác nhau trong thực tế nhu cầu xã hội và hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh. (5) Vận dụng và triển khai các thuật toán quan trọng thuộc nhóm Supervised learning và Unsupervised trong việc giải quyết các vấn đề thực tế như phân loại, dự đoán các xu thế, xu hướng, phân tích cụm dữ liệu, gợi ý đề xuất.

26. Quản trị tài chính (Financial Management)

3 tín chỉ

3 (3,0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề tài chính trong công ty cổ phần: khái niệm và những quyết định chủ yếu trong Quản trị tài chính công ty; ứng dụng phương pháp tính giá trị tiền tệ theo thời gian, phương pháp đo lường lợi nhuận và rủi ro, phương pháp định giá chứng khoán ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học những kiến thức và công cụ phân tích và định giá nhằm đưa ra các quyết định đầu tư, một trong ba quyết định chủ yếu của Quản trị tài chính công ty

27. Công nghệ Blockchain và Tiền kỹ thuật số (Blockchain Technology and Digital Currency)

3 tín chỉ

3 (3,0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về công nghệ blockchain và ứng dụng của nó trong lĩnh vực tài chính số. Nội dung bao gồm các khái niệm cơ bản về blockchain, cơ chế đồng thuận, smart contract, các nền tảng blockchain phổ biến, tiền kỹ thuật số và tiền điện tử. Sinh viên sẽ được thực hành phát triển ứng dụng blockchain đơn giản, tương tác với smart contract và xây dựng ví điện tử.

28. Thanh toán điện tử (Electronic Payment)

3 tín chỉ

3 (3,0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao quát những kiến thức trong Thanh toán Điện tử, nhằm giúp người học hiểu được

những ứng dụng công nghệ mới trong thanh toán và trong giao dịch điện tử, từ những giao dịch đơn lẻ giữa cá nhân với nhau cho tới những giao dịch phức tạp qua các cổng thanh toán điện tử. Học phần này cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình giao dịch không dùng tiền mặt được tiến hành trên mạng Internet ở các thị trường khác nhau, với các đồng tiền khác nhau, cũng như sự bùng nổ của công nghệ thanh toán, đặc biệt chú ý tới thị trường Việt Nam

29. Quản trị danh mục đầu tư (Portfolio Management)

3 tín chỉ

3 (3,0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giới thiệu cho sinh viên về lý thuyết và thực hành về quản trị danh mục đầu tư. Các chủ đề liên quan tới quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu, quản trị danh mục đầu tư trái phiếu, hoạt động giám sát và đánh giá hiệu quả của danh mục đầu tư cũng sẽ được đề cập đến trong học phần này. Học phần còn giới thiệu lý thuyết thị trường hiệu quả và các chiến lược quản trị danh mục đầu tư trong các thị trường hiệu quả.)

30. Quản trị tài chính quốc tế (International Finance)

3 tín chỉ

3 (3,0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, Toán kinh tế 2

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính trong công ty đa quốc gia: khái niệm và những quyết định chủ yếu trong Quản trị tài chính công ty quốc tế; ứng dụng phương pháp tính dòng tiền trong điều kiện rủi ro, phương pháp tỷ giá ngoại hối, phương pháp đo lường lợi nhuận và rủi ro, phương pháp định giá công ty, Phương pháp phòng vệ rủi ro, quản trị đầu tư dài và ngắn hạn ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học những kiến thức và công cụ phân tích và định giá nhằm đưa ra các quyết định đầu tư, một trong ba quyết định chủ yếu của Quản trị tài chính công ty.

31. Ngân hàng số (Digital Banking)

3 tín chỉ

3 (3, 0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về nghiệp vụ ngân hàng thương mại như: Đại cương về ngân hàng thương mại; các nghiệp vụ huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ tài chính, các nghiệp vụ sinh lợi khác; các công cụ thanh toán sử dụng trong các dịch vụ thanh toán của ngân hàng. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Ngân hàng số như: Đại cương về ngân hàng số; Các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng số; Các quy trình và cách thức triển khai các sản phẩm, dịch vụ số hóa trong ngân hàng; Rủi ro trong hoạt động của ngân hàng số; Các công nghệ được áp dụng trong việc quản lý và vận hành nghiệp vụ ngân hàng số. Sau khi học xong môn học này người học biết được hoạt động thực tế của ngân hàng số, từ đó chuẩn bị tốt cho công việc về sau.

32. Phân tích tài chính doanh nghiệp (Business Analysis)

3 tín chỉ

Phân bố thời gian học tập: 3 (3, 0, 6)

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính như: nội dung phân tích, tiến trình phân tích, các công cụ, kỹ thuật phân tích nhằm đánh giá một cách sâu, rộng tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua báo cáo tài chính; người học cũng được trang bị kiến thức lập dự báo các báo cáo tài chính doanh nghiệp cho những năm hoạt động tiếp theo làm cơ sở cho việc ra các quyết định đối với các nhà quản lý doanh nghiệp lẫn các chủ thể bên trong và bên ngoài doanh nghiệp nhằm sử

dụng hiệu quả các thông tin từ các báo cáo tài chính của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư, cho vay, quản lý, tư vấn khách hàng...

33. Thị trường chứng khoán (Security Market)

3 tín chỉ

3 (3, 0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường chứng khoán như: Lý luận cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư; phân tích và đầu tư chứng khoán, thị trường trái phiếu quốc tế. Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về thị trường chứng khoán, các chủ thể tham gia trên thị trường. Tìm hiểu về các công cụ lưu thông trên thị trường chứng khoán. Nghiên cứu cơ chế hoạt động và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân tích và định giá các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán phái sinh.

34. Ứng dụng AI trong tài chính (AI Applications in Finance)

3 tín chỉ

3 (3, 0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực tài chính. Nội dung bao gồm các kỹ thuật AI/ML cơ bản và nâng cao, phân tích dữ liệu tài chính, dự báo thị trường, quản lý danh mục đầu tư, phát hiện gian lận, và tự động hóa các quy trình tài chính. Sinh viên sẽ được thực hành với các công cụ và thư viện Python phổ biến trong AI/ML, làm việc với dữ liệu tài chính thực tế.

35. Quản trị rủi ro tài chính – ngân hàng (Bank Financial Risk Management)

3 tín chỉ

3 (3, 0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần

Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng trong hệ thống ngân hàng toàn cầu. Học phần tập trung phân tích và lượng hóa các loại rủi ro trong các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại như rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tỷ giá, rủi ro thị trường, rủi ro ngoại bảng, rủi ro công nghệ và rủi ro hoạt động. Bên cạnh đó, các chủ đề về quản trị nợ và thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi, hệ số an toàn vốn, bán khoán cho vay và chứng khoán hóa cũng được phân tích trong học phần này.

36. Gọi vốn cộng đồng (Crowdfunding)

2 tín chỉ

2 (2, 0, 4)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần

Gọi vốn cộng đồng gần đây đã nổi lên như một giải pháp thay thế khả thi cho việc tìm nguồn cung ứng vốn để hỗ trợ các ý tưởng và các dự án kinh doanh. Môn học này nhằm mục đích giới thiệu cho người học các nền tảng cho vay trực tuyến, cung cấp kiến thức và ý tưởng cơ bản về nền kinh tế chia sẻ. Ngoài ra, môn học cũng nhằm giúp người học phát triển phương pháp tư duy kinh tế và ứng dụng của nó vào việc phân tích các sự kiện, hiện tượng kinh tế trong lĩnh vực Fintech.

37. Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Applied Big Data Analytics in Business)

3 tín chỉ

3 (3, 0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về big data, cách các công ty ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trên thế giới, Việt Nam. Nắm được phương pháp triển khai hiệu quả nhất cho một hệ thống dữ liệu lớn cụ thể và phổ biến.

38. Kế toán quản trị (Management Accounting)**3 tín chỉ***Phân bố thời gian học tập:***3 (3, 0, 6)***Điều kiện tiên quyết:*

Tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng và phương pháp của kế toán quản trị; phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán; phân tích biến động chi phí; đánh giá trách nhiệm quản lý; định giá bán sản phẩm; thông tin thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị; phân bổ chi phí cho các bộ phận phục vụ

39. Kế toán ngân hàng (Banking Accounting)**3 tín chỉ***Phân bố thời gian học tập:* 3 (3, 0, 6)*Điều kiện tiên quyết:*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về các nghiệp vụ kế toán trong lĩnh vực ngân hàng. Giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng. Sinh viên biết hạch toán một số nghiệp vụ ngân hàng như: nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, thanh toán không dùng tiền mặt, tài sản cố định và công cụ lao động, kinh doanh ngoại tệ-vàng bạc-thanh toán quốc tế, kết quả kinh doanh. Nâng cao kỹ năng vận dụng lý thuyết và xử lý thực tế cho các sinh viên về các nghiệp vụ kế toán ngân hàng...

40. Quản trị ngoại thương (Foreign trade management)**3 tín chỉ***Phân bố thời gian học tập:* 3 (3,0, 6)*Điều kiện tiên quyết:**Tóm tắt nội dung học phần*

Môn Quản trị ngoại thương cung cấp kiến thức nghiệp vụ ngoại thương, giúp người học có được những kỹ thuật cơ bản trong giao dịch, mua bán với nước ngoài. Trang bị một số thông lệ, qui ước trong thương mại quốc tế, giúp người học nắm được nội dung và qui trình của các phương thức thanh toán quốc tế... Nói chung, môn học giúp người học có thể quản trị quá trình thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương hiệu quả.

41. Chính sách thuế (Tax policy)**3 tín chỉ***Phân bố thời gian học tập:***3 (2,1, 6)***Điều kiện tiên quyết:*

Tóm tắt nội dung học phần: Học phần giúp cho sinh viên hiểu được khái quát toàn bộ hệ thống thuế Việt nam hiện hành, đặc điểm, cơ cấu một số thuế, xu hướng cải cách thuế Việt nam và thế giới. Ngoài ra học phần còn đi sâu giới thiệu chi tiết một số thuế chủ yếu.

42. Lập và phân tích dự án (Project Analysis and Evaluation)**3 tín chỉ***Phân bố thời gian học tập:***3 (2,1, 6)***Điều kiện tiên quyết:**Tóm tắt nội dung học phần:*

Trang bị cho sinh viên những hiểu biết kiến thức cơ bản về phân tích dự án như: phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật-công nghệ, phân tích nhân lực, phân tích tài chính

Môn học cũng trang bị cho sinh viên những chỉ tiêu lựa chọn dự án như: NPV, IRR, B/C... Ngoài ra, môn học cũng trang bị những kiến thức về lạm phát và tác động của lạm phát lên tính khả thi của dự án. Sinh viên cũng được trang bị những công cụ phân tích rủi ro như: phân tích độ nhạy, phân tích tình huống và mô phỏng.

43. Tài chính định lượng (Quatitative Finance)**3 tín chỉ***Phân bố thời gian học tập:***3 (2,1, 6)***Điều kiện tiên quyết:**Tóm tắt nội dung học phần:*

Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức quan trọng về kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính cũng như các kỹ thuật ứng dụng trong mô hình tài chính. Sinh viên sẽ được giới thiệu về cơ sở lý

thuyết và thực tiễn của các đặc tính lợi nhuận tài chính, giá trị rủi ro (Value at Risk), khái niệm chuỗi thời gian, thuật toán Markowitz trong lý thuyết danh mục đầu tư, Mô hình CAPM và Fama – French. Sinh viên sẽ được giới thiệu về ngôn ngữ lập trình R/Stata, cung cấp một nền tảng linh hoạt cho việc ước lượng và hiện thực hóa các mô hình tài chính được giới thiệu trong khóa học này.

44. Tài chính công (Public Finance)

3 tín chỉ

3 (2,1, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Tài chính công gồm có ba phần. Phần I giới thiệu về môn học, quan điểm, mục tiêu, đối tượng môn học, các công cụ phân tích chính sách tài chính công và cơ sở cho hoạt động tài chính của chính phủ. Phần II giới thiệu các quan điểm, cơ sở lý thuyết về phân phối thu nhập, đánh giá tác động của chi tiêu lên phân phối thu nhập, công cụ phân tích đánh giá chính sách chi tiêu, đầu tư công, các chương trình chi tiêu công và chính sách bảo hiểm xã hội. Phần III giới thiệu khung phân tích chính sách thuế, đánh giá hiệu quả của chính sách thuế, xem xét các tiêu chuẩn cho một sắc thuế: hiệu quả và công bằng.

45. Tài chính cá nhân (Personal Finance)

3 tín chỉ

3 (2,1, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý hiệu quả tài chính của cá nhân người học như lập kế hoạch tài chính, quản lý tín dụng cá nhân, đầu tư thông minh, bảo vệ tài sản và xây dựng một tương lai tài chính vững chắc, từ đó giúp người học chủ động thực hiện những quyết định tài chính sáng suốt trong cuộc sống hàng ngày.

46. Tài chính hành vi (Behavioral Finance)

3 tín chỉ

3 (2,1, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần:

Tổng quan về nền tảng tài chính hiện đại như lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, các mô hình ước lượng rủi ro và xác định mức giá trên thị trường, ý tưởng về thị trường hiệu quả. Những hạn chế của lý thuyết tài chính hiện đại như những quyết định của con người trái với lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, hạn chế trong việc xác định các biến số của mô hình ước lượng rủi ro và xác định mức giá trên thị trường, những thách thức đối với thị trường hiệu quả. Nền tảng cần thiết của tâm lý học trong việc khám phá cách thức con người ra quyết định cũng như biểu hiện của những lệch lạc. Cách thức mà các vấn đề tâm lý tác động đến việc ra quyết định tài chính ở cấp độ cá nhân.

47. Bảo hiểm (Insurance)

3 tín chỉ

3 (2,0, 6)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về bảo hiểm cho sinh viên ngành tài chính – ngân hàng: lý thuyết và mối quan hệ giữa rủi ro và bảo hiểm; các vấn đề pháp lý về hợp đồng bảo hiểm; kiến thức về thị trường bảo hiểm Việt Nam và thế giới; đặc điểm, nguyên tắc chung của các loại hình bảo hiểm hiện đang triển khai tại Việt Nam.

48. Thực tập tốt nghiệp (Internship)

2 tín chỉ

2 (0,2, 4)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này giúp người học tiếp cận, tham gia môi trường làm việc tại doanh nghiệp, áp dụng kiến thức chuyên môn được học vào công việc cũng như học hỏi kinh nghiệm làm việc thực tế, đồng thời rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử hài hòa tại nơi làm việc.

49. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation thesis)

6 tín chỉ

6 (0,6, 12)

Phân bố thời gian học tập:

Điều kiện tiên quyết:

Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này yêu cầu sinh viên nghiên cứu đề tài liên quan đến chuyên ngành Công nghệ tài chính, được thực hiện vào học kỳ cuối cùng của chương trình đào tạo. Thông qua môn học này, người học có khả năng tổng hợp, ứng dụng được kiến thức của ngành Công nghệ tài chính trong công tác giải quyết vấn đề nghiên cứu, đồng thời vận dụng được các phương pháp luận để thu thập và phân tích thông tin, số liệu.

PHỤ LỤC II
MA TRẬN CÁC HỌC PHẦN ĐÁP ỨNG CĐR CỦA CTĐT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

SEMA430 807	Thị trường chứng khoán				4				4			4											4				4		
BFRM330 510	Quản trị rủi ro tài chính – ngân hàng		4		5								4												4		4		
Học kỳ 7																													
INTE4210 07	Thực tập tốt nghịệp				3							5							3								3		
Học kỳ 8																													
GRAT4621 07	Khóa luận tốt nghiệp							5					5							4			4		4		5		
Số lượng môn học/PI		7	4	8	13	1	5	8	3	8	5	3	6	6	2	5	3	3	1	3	1	4	3	2	1	2	2	2	
Mức năng lực cao nhất		4	4	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	4	3	

CĐR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
		Vận dụng và tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, kinh tế, pháp luật, CNTT và dữ liệu để giải quyết vấn đề cơ bản trong Công nghệ tài chính	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, thuế, dữ liệu và công nghệ tài chính.	Đánh giá và ứng dụng công nghệ phù hợp để giải quyết vấn đề trong Công nghệ tài chính.	Vận dụng theo yêu cầu pháp lý, đạo đức, an toàn dữ liệu và trách nhiệm xã hội trong hoạt động công nghệ tài chính.	Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật công nghệ và thích ứng với môi trường toàn cầu.	Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm liên ngành trong dự án Công nghệ tài chính.	Trình bày, trao đổi và truyền đạt thông tin chuyên môn bằng tiếng Việt và tiếng Anh.	Đề xuất, thiết kế và phát triển ý tưởng cải tiến, khởi nghiệp hoặc giải pháp/sản phẩm/dịch vụ công nghệ tài chính.	Tổ chức, vận hành, kiểm soát và cải tiến quy trình, hệ thống hoặc dịch vụ công nghệ tài chính.
	CDIO									
	4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường - quá trình sáng tạo								
	4.1	<Bối cảnh bên ngoài và xã hội>	X							
	4.2	<Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh>		X						
	4.3	<Hình thành ý tưởng và xây dựng các hệ thống>		X						
	4.4	<Thiết kế>		X						
	4.5	<Triển khai>						X		
	4.6	<Vận hành>							X	
	4.7	<Nỗ lực trong lãnh đạo kỹ thuật>								X

CDR		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
CDIO		Vận dụng và tích hợp kiến thức khoa học cơ bản, kinh tế, pháp luật, CNTT và dữ liệu để giải quyết vấn đề cơ bản trong Công nghệ tài chính	Phân tích và vận dụng kiến thức chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, thuế, dữ liệu và công nghệ tài chính.	Đánh giá và ứng dụng công nghệ phù hợp để giải quyết vấn đề trong Công nghệ tài chính.	Vận dụng theo yêu cầu pháp lý, đạo đức, an toàn dữ liệu và trách nhiệm xã hội trong hoạt động công nghệ tài chính.	Lập và thực hiện kế hoạch tự học, cập nhật công nghệ và thích ứng với môi trường toàn cầu.	Phối hợp, tổ chức và đánh giá hoạt động nhóm liên ngành trong dự án Công nghệ tài chính.	Trình bày, trao đổi và truyền đạt thông tin chuyên môn bằng tiếng Việt và tiếng Anh.	Đề xuất, thiết kế và phát triển ý tưởng cải tiến, khởi nghiệp hoặc giải pháp/sản phẩm/dịch vụ công nghệ tài chính.	Tổ chức, vận hành, kiểm soát và cải tiến quy trình, hệ thống hoặc dịch vụ công nghệ tài chính.
4.8	<Sáng nghiệp trong kỹ thuật>									x

./.